TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG
Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2019
"V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V,
TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Mỡn.**
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Hảo**
Ông **Nguyễn Văn Cơ Ba.**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện V, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Lữ Ngọc Minh Châu** – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về ***"Tranh chấp hôn nhân gia đình"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Phan Thị Bích V1 -** sinh năm: 1975; (có mặt)

Địa chỉ: ấp 8, xã Tân An L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Phan Thị Bích V1 là Luật sư **Lê Tấn P**, văn phòng Luật sư Phát Đ, đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- Bị đơn: anh **Nguyễn Quốc Đ -** sinh năm: 1969; (có mặt)

Địa chỉ: ấp 8, xã Tân An L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 02/10/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Bích V1 trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: chị V1 và anh Nguyễn Quốc Đ do được mai mối, có sự tự nguyện của anh chị, được sự chấp thuận của gia đình hai bên, có tổ chức lễ cưới vào năm 1994 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 04/11/2002.

Sau ngày cưới vợ chồng chị sống tự lập tại ấp 8, xã Tân An L, huyện V. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ không quan tâm tới chị, chị V1 cảm nhận anh Đ không còn yêu thương chị V1, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt không còn yêu thương quan tâm nhau như trước. Chị V1 đã dọn ra ngoài sống từ tháng 02/2019, chị và anh Đ đã không còn quan hệ vợ chồng từ tháng 12/2017.

Nay chị V1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không Đ được nên chị V1 yêu cầu được ly hôn với chồng là anh Nguyễn Quốc Đ

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: chị V1 không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: chị V1 không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị V1 không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

** Tại bảng khai ý kiến và các lời khai khác trong hồ sơ vụ án anh Nguyễn Quốc Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: anh Đ và chị V1 do mai mối, có sự tự nguyện của anh chị, được sự chấp thuận của gia đình hai bên, có tổ chức lễ cưới vào năm 1994 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 04/11/2002.

Sau ngày cưới vợ chồng anh sống tự lập tại ấp 8, xã Tân An L, huyện V. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc từ năm 1994 đến năm 2018. Cuộc sống vợ chồng anh vẫn bình thường, không có mâu thuẫn, không có cự cãi. Chị V1 trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ không quan tâm tới chị V1 thì anh Đ thừa nhận là anh Đ thiếu quan tâm tới chị V1 do anh Đ làm tài xế, công việc hay đi sớm về tối, ít có thời gian quan tâm chăm sóc chị V1. Nay chị Phan Thị Bích V1 yêu cầu ly hôn với anh Đ thì anh không đồng ý do anh Đ còn thương vợ. Anh Đ đưa ra giải pháp đoàn tụ là anh Đ sẽ cố gắng sửa đổi quan tâm tới chị V1 nhiều hơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Anh Đ và chị V1 đã không còn quan hệ vợ chồng hơn 01 năm nay.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: anh Đ không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: anh Đ không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Đ không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Bích V1 yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc Đ là có căn cứ. Bởi lẽ trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng đều không thành. Gia đình hai bên đã có khuyên nhưng

chị V1 vẫn không đồng ý đoàn tụ. Chị V1 giữ nguyên ý kiến là cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Đ do chị V1 đã không còn tình cảm với anh Đ. Tuy anh Đ có mong muốn được đoàn tụ với chị V1 và hứa cố gắng quan tâm chị V1 nhiều hơn nhưng chị V1 không đồng ý. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V1 để chị V1 được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: chị V1 và anh Đ không có con chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị V1 không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Chị V1 không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, 39, 147, 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Bích V1, chị Phan Thị Bích V1 được ly hôn với anh Nguyễn Quốc Đ.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị V1 và anh Đ không có con chung không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về tài sản chung của vợ chồng: chị V1 và anh Đ không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: chị V1 và anh Đ không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Phan Thị Bích V1 phải nộp án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Quốc Đ không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Hôn nhân giữa chị V1 và anh Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp, chị V1 và anh Đ có tổ chức lễ cưới năm 1994 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ngày 04/11/2002. Theo lời trình bày của chị V1 vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân là do chị V1 cảm nhận anh Đ không còn yêu thương chị V1, không quan tâm đến chị V1, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Chị V1 và anh Đ đã không còn quan hệ vợ chồng từ tháng 12/2017 và chị V1 đã dọn ra sống riêng từ tháng 02/2019 đến nay.

Anh Đ không đồng ý với yêu ly hôn của chị V1 vì anh còn thương chị V1 và có nguyên vọng xin được đoàn tụ với chị V1. Giải pháp đoàn tụ của anh là sẽ yêu thương, quan tâm chăm sốc chị V1 nhiều hơn.

Chị V1 không đồng ý với giải pháp đoàn tụ của anh Đ vì chị V1 không còn tình cảm với anh Đ. Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V1 thì chị vẫn không về đoàn tụ, chung sống với anh Đ.

Xét tình cảm chị V1 dành cho anh Đ không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được, nên việc chị V1 yêu cầu ly hôn với anh Đ là có cơ sở để chấp nhận và phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: trong quá trình chung sống chị V1 và anh Đ không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung của vợ chồng: chị V1 và anh Đ không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: chị V1 và anh Đ không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Phan Thị Bích V1 phải nộp án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Quốc Đ không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực thi hành ngày 01/ 01/ 2015); điểm a khoản 5 Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Bích V1

- Về mối quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị Bích V1 được ly hôn với anh Nguyễn Quốc Đ.

- Về con chung: chị Phan Thị Bích V1 và anh Nguyễn Quốc Đ thống nhất xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- Về tài sản chung: chị Phan Thị Bích V1 và anh Nguyễn Quốc Đ không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: chị Phan Thị Bích V1 và anh Nguyễn Quốc Đ không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Phan Thị Bích V1 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0009508, ngày 03/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V. chị Phan Thị Bích V1 không phải nộp thêm.

Anh Nguyễn Quốc Đ không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét phúc thẩm lại./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện V;*
- *THADS huyện V;*
- *UBND xã Tân An L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Nguyễn Thị Kim Mỡn